



ĐA DẠNG HÓA NGUỒN TÀI CHÍNH CHO BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM - LỢI ÍCH, THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

• **GS.TS NGÔ THẾ CHI***

Đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường là quá trình mở rộng huy động, phối hợp và sử dụng nhiều loại hình, kênh hoặc nguồn tài chính khác nhau nhằm đảm bảo sự đầy đủ và ổn định, bền vững và hiệu quả trong việc huy động và sử dụng vốn trong công tác bảo vệ môi trường. Nói cách khác, đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường là việc tạo dựng một “cánh cửa rộng” để thu hút vốn cho mục đích môi trường qua nhiều kênh huy động với những công cụ và thể chế khác nhau, không phụ thuộc vào nguồn vốn duy nhất từ ngân sách nhà nước. Bài viết phân tích những lợi ích, thách thức trong việc đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường tại Việt Nam. Từ đó, đề xuất giải pháp thực hiện đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

Từ khóa: Đa dạng hóa nguồn tài chính, bảo vệ môi trường tại Việt Nam, lợi ích, thách thức và giải pháp.

*Học viện Tài chính

Diversification of financial resources for environmental protection in Vietnam - benefits, challenges and solutions

Diversifying financial resources for environmental protection is the process of expanding the mobilization, coordination and utilization of various types, channels or sources of finance to ensure adequacy, stability, sustainability and efficiency in mobilizing and utilizing capital for environmental protection. In other words, diversifying financial resources for environmental protection means creating a "wide door" to attract capital for environmental purposes through multiple mobilization channels with different tools and institutions, without relying solely on a single source of capital from the state budget. The article analyzes the benefits and challenges in diversifying financial resources for environmental protection in Vietnam. From there, it proposes solutions to implement the diversification of financial resources for environmental protection with the goal of sustainable development.

Keywords: Diversification of financial resources; environmental protection in Vietnam, benefits, challenges and solutions.

1. Đặt vấn đề

Đa dạng hóa nguồn tài chính đóng vai trò không thể thiếu được trong công tác bảo vệ môi trường, phát triển bền vững và các chương trình môi trường quốc gia, bởi hầu hết các hoạt động bảo vệ môi trường, phục hồi môi trường, cảnh quan và phát triển bền vững đều cần thiết phải có nguồn tài chính đầy đủ, ổn định và được sử dụng hiệu quả. Việc đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường, giúp cho việc tăng thêm nguồn lực đầu tư vào môi trường. Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) đã chỉ ra rằng “để đạt được mục tiêu môi trường sẽ cần điều phối và tăng cường quy mô tất cả các nguồn tài chính xanh - bao gồm công, tư, trong nước và quốc tế” (OECD.org). Một chính sách tài chính tích hợp còn giúp cho việc “Tăng huy động đầu tư cho phát triển bền vững và quản lý một bức tranh tài chính ngày càng phức tạp” (desabublications.un.org). Mặt khác, sự đa dạng hóa nguồn tài chính giúp cho việc ổn định tài chính của các chương trình môi trường, giảm sự phụ thuộc vào một nguồn duy nhất. Theo Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), cần phải nhấn mạnh nhu cầu đa dạng hóa nguồn tài chính, tăng cường năng lực thể chế, phát triển chiến lược hợp tác với nhiều bên liên quan và duy trì hệ thống quản trị minh bạch để nâng cao hiệu quả tài chính cho môi trường (biofin.org). Nguồn tài chính đảm

bảo cho các hoạt động bảo vệ môi trường như các chương trình, dự án xử lý chất thải, nước thải, cải thiện chất lượng không khí, nguồn nước, thực hiện việc phục hồi hệ sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu... đều cần phải có nguồn tài chính đủ lớn, ổn định và sử dụng đạt hiệu quả cao. Khi các nguồn này có đầy đủ và ổn định, các dự án sẽ có được sự trang bị đầy đủ các máy móc, thiết bị, kỹ thuật và sử dụng đội ngũ nhân sự chất lượng cao phục vụ cho việc triển khai các kế hoạch liên quan trong công tác bảo vệ môi trường. Có thể nói, không có nguồn tài chính đầy đủ và ổn định thì tất cả các kế hoạch bảo vệ môi trường có tốt đến đâu cũng không thể thực hiện được. Nguồn tài chính thông qua việc trợ cấp, tín dụng, ưu đãi, trái phiếu xanh giúp cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế - xã hội thúc đẩy chuyển đổi từ công nghệ lạc hậu sang công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Đồng thời, là động lực quan trọng để các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội chuyển sang sản xuất sản phẩm sạch, tuần hoàn và bền vững; là nhân tố quan trọng góp phần thay đổi hành vi tiêu dùng của người tiêu dùng và doanh nghiệp. Các công cụ tài chính như thuế, phí môi trường, giúp cho việc điều chỉnh hành vi gây ô nhiễm, hướng đến tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm; tạo cơ chế “người gây ô nhiễm phải trả tiền” nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Khi có các chính sách tài chính rõ

ràng, minh bạch, các bên liên quan như tổ chức, doanh nghiệp và người dân đều có thể tham gia đầu tư vào các dự án bảo vệ môi trường; mở rộng quan hệ hợp tác công - tư (PPP) trong các dự án hạ tầng môi trường; góp phần ổn định và phát triển kinh tế bền vững. Việc đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường, giúp ngăn ngừa các tổn thất kinh tế do suy thoái tài nguyên và biến đổi khí hậu. Đầu tư đúng vào bảo vệ môi trường tạo điều kiện cho phát triển kinh tế gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững. Tuy nhiên, hiện nay ở Việt Nam, bên cạnh những lợi ích thiết thực của việc đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường, còn gặp không ít khó khăn, thách thức để thực hiện được mục tiêu này.

2. Lợi ích của việc đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường

Đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường mang lại nhiều lợi ích thiết thực, cụ thể là:

Thứ nhất, đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường sẽ đảm bảo tăng được lượng vốn đầu tư vào lĩnh vực môi trường. Việc huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau sẽ giúp nâng cao tổng nguồn lực tài chính cho môi trường, giảm sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, đặc biệt là trong bối cảnh nguồn thu ngân sách nhà nước còn hạn hẹp; tăng khả năng tài trợ cho các chương trình bảo vệ môi trường có quy mô lớn. OECD đã khẳng định rằng, cần “điều phối và tăng cường quy mô tất cả các nguồn tài chính xanh” để đạt mục tiêu khí hậu và môi trường (oecd.org).

Thứ hai, đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường giúp cho việc khuyến khích đầu tư tư nhân. Việc huy động vốn từ khu vực tư nhân cho các dự án môi trường sẽ góp phần thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân tham gia vào các dự án môi trường thông qua cơ chế hợp tác công - tư (PPP), tín dụng xanh, trái phiếu xanh. Với cơ chế bảo lãnh tín dụng, Nhà nước hoặc các tổ chức phát triển cung cấp bảo lãnh cho các dự án bảo vệ môi trường, giúp giảm rủi ro tín dụng và tăng tính khả thi đối với các nhà

đầu tư; các quỹ môi trường hoặc ngân hàng chính sách hỗ trợ lãi suất thấp, tạo điều kiện làm tăng lợi nhuận cho tư nhân khi đầu tư vào tín dụng xanh ưu đãi. Đồng thời, với việc phát hành trái phiếu xanh, doanh nghiệp tư nhân có thể huy động vốn cho các dự án bảo vệ môi trường với sự hỗ trợ của các chuẩn mực quốc tế, giúp cho việc tăng niềm tin của các nhà đầu tư.

Thứ ba, đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường, giúp cho việc giảm chi phí và rủi ro. Việc kết hợp nguồn vốn công - tư, Nhà nước có thể đầu tư hạ tầng ban đầu hoặc cung cấp bảo lãnh, làm giảm rủi ro cho tư nhân khi tham gia các dự án bảo vệ môi trường. Với cơ chế đồng tài trợ, dùng vốn viện trợ hay vốn ưu đãi để hỗ trợ cho phần rủi ro cao, từ đó thu hút vốn tư nhân đầu tư vào rủi ro thấp hơn. Mặt khác, thông qua sử dụng tín dụng xanh với lãi suất ưu đãi từ ngân hàng phát triển hay quỹ môi trường, giúp cho doanh nghiệp giảm chi phí tài chính so với vay từ ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính tín dụng khác. Các công cụ thị trường như tín chỉ carbon đem lại hiệu quả chi phí. Theo UNEP, báo cáo cơ chế thị trường có thể tiết kiệm từ 40% đến 60% chi phí giảm phát thải. Sự tham gia của khu vực tư nhân thông qua hợp tác công - tư (PPP), trái phiếu xanh, tín dụng xanh..., tận dụng chuyên môn và đổi mới công nghệ từ doanh nghiệp.

Thứ tư, đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường giúp ổn định nguồn vốn dài hạn. Trên thực tế, với nhiều nguồn tài chính khác nhau như ngân sách nhà nước, ODA, vốn tư nhân, quỹ môi trường, trái phiếu xanh, tín dụng xanh... sẽ tạo điều kiện cho việc ổn định nguồn vốn lâu dài, không phụ thuộc vào một nguồn duy nhất nào đó mà dự án môi trường vẫn có thể hoạt động bình thường. Mặt khác, việc đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường sẽ tăng được tính thích ứng với sự biến động kinh tế - chính trị. Chẳng hạn như khi kinh tế hay chính trị bị khủng hoảng, tất yếu một số nguồn tài chính sẽ bị ảnh hưởng (cơ bản là nguồn vốn ngân sách nhà nước bị thắt chặt, ODA bị hạn

chế...) nhưng vẫn còn có thể có một số nguồn khác vẫn được duy trì, ví dụ như tín dụng xanh.

Cũng nhờ việc đa dạng hóa nguồn tài chính cho môi trường, có các dòng vốn khác nhau phù hợp trong từng giai đoạn phát triển mà các dự án bảo vệ môi trường không chỉ duy trì hoạt động mà còn có thể mở rộng phạm vi, đầu tư nâng cấp công nghệ, đào tạo nhân lực chất lượng cao... Điều đó, tạo điều kiện cho việc ổn định lâu dài. Nhiều quỹ bảo tồn đã đảm nhận phần lớn chi phí vận hành các khu bảo tồn quốc gia, nhờ vậy đa dạng hóa nguồn tài chính còn thúc đẩy tính minh bạch và hiệu quả thông qua quy trình quản trị đạt hiệu quả cao. Đa dạng hóa nguồn tài chính đi đôi với năng lực thể chế cao và quản trị minh bạch, tạo điều kiện giúp quỹ duy trì tính bền vững.

Thứ năm, đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường giúp tăng cường đổi mới sáng tạo. Với việc đa dạng hóa nguồn tài chính có thể được thực hiện cho từng giai đoạn, giúp cho quá trình đổi mới không bị gián đoạn do thiếu vốn. Đối với giai đoạn nghiên cứu ban đầu: quỹ nghiên cứu khoa học, khoản tiền tài trợ của Chính phủ. Đối với giai đoạn thử nghiệm: vốn ưu đãi, quỹ đổi mới xanh. Đối với giai đoạn thương mại hóa: vốn tư nhân, trái phiếu xanh, tín dụng xanh, quỹ đầu tư mạo hiểm. Đồng thời, khi có nhiều nguồn vốn khác nhau cùng tồn tại trong một giai đoạn nhất định, các tổ chức và doanh nghiệp phải tiếp tục đổi mới để thu hút thêm vốn. Mặt khác, các nhà đầu tư tư nhân cũng như các tổ chức quốc tế thường chủ động, có tư tưởng đổi mới nhanh, thường mang theo công nghệ mới, hiện đại, có phương pháp quản trị hiệu quả, đảm bảo cho các dự án môi trường được triển khai mang lại hiệu quả cao.

3. Khó khăn, thách thức trong việc đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường

Bên cạnh những lợi ích mang lại khi thực hiện đa dạng hóa nguồn tài chính cho công tác bảo vệ môi trường, còn gặp một số khó khăn, thách thức, cụ thể là:

Một là, khung pháp lý cho việc đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường ở Việt Nam tuy đã có quy định khá rõ về tài chính môi trường, tạo hành lang pháp lý cho tín dụng xanh, trái phiếu xanh, hợp tác PPP trong lĩnh vực môi trường; có các quy định về “người gây ô nhiễm phải trả tiền” và trách nhiệm tài chính của tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, song chưa hoàn thiện; thiếu nhiều chính sách, quy định hoặc các chính sách, quy định này chưa rõ ràng, chưa đủ tính pháp lý và tính hấp dẫn để thu hút đầu tư tư nhân cho các dự án, chương trình bảo vệ môi trường. Điều này khiến cho việc huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính chưa thực sự hiệu quả và bền vững.

Thể hiện là: (i) Hạn chế về tính cụ thể và tính khả thi của chính sách: chẳng hạn như chính sách còn khá chung chung, thiếu hướng dẫn chi tiết về cơ chế thực hiện các công cụ tài chính mới như trái phiếu xanh, tín dụng xanh và thị trường carbon...; thiếu các quy định rõ ràng về điều kiện, tiêu chí để các doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn ưu đãi. (ii) Hạn chế trong cơ chế khuyến khích xã hội hóa: thể hiện ở chỗ chính sách ưu đãi chưa đủ hấp dẫn cho thu hút vốn như việc giảm, miễn thuế, hay hỗ trợ lãi suất cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực môi trường còn thấp, nhỏ lẻ và thiếu tính nhất quán; thiếu cơ chế chia sẻ rủi ro trong hợp tác công - tư, làm giảm động lực cho tư nhân tham gia vào các dự án môi trường. (iii) Hạn chế về thể chế và năng lực quản lý: năng lực quản lý tài chính môi trường còn yếu ở nhiều địa phương thiếu nhân lực, thiếu công cụ giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư; thiếu sự phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương trong việc thực hiện và giám sát các nguồn lực tài chính bảo vệ môi trường. (iv) Hạn chế về tính minh bạch và thông tin: thông tin về các chương trình, quỹ, nguồn vốn chưa minh bạch, thiếu hệ thống và phương pháp công khai; doanh nghiệp và tổ chức xã hội thiếu thông tin và kỹ năng để tiếp cận nguồn vốn trong và ngoài nước. (v) Hạn chế trong áp dụng công cụ tài chính thị trường: thể hiện ở việc hành lang pháp lý chưa đầy đủ để điều



chính các công cụ như tín chỉ carbon, trái phiếu xanh hay quỹ môi trường; thị trường carbon trong nước mới được hình thành, đang trong quá trình thử nghiệm trong khi hành lang pháp lý chưa đầy đủ, gây khó khăn đáng kể...

Hai là, thiếu sự phối hợp giữa các bên liên quan trong quá trình đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường thể hiện trên một số khía cạnh, gây cản trở cho việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, cụ thể là: sự phối hợp giữa Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức quốc tế còn rời rạc, chưa có sự thống nhất cao; thiếu cơ chế phối hợp giữa Nhà nước với doanh nghiệp; chính sách ưu đãi tài chính chưa rõ ràng, chưa cụ thể hoặc chưa phù hợp với tình hình thực tiễn khiến cho tư nhân không thiết tha tham gia; doanh nghiệp khó tiếp cận thông tin về các quỹ, các chương trình hỗ trợ, còn Nhà nước lại thiếu thông tin về nhu cầu tài chính của tư nhân; các tổ chức quốc tế, các ngân hàng thương mại và quỹ đầu tư còn thiếu cơ chế hợp tác chung trong việc phối hợp hỗ trợ một dự án. Việc khác nhau về mục tiêu cũng gây cản trở không ít đến việc huy động nguồn vốn tư nhân, thể hiện ở việc Nhà nước

chú ý đến mục tiêu lợi ích xã hội, môi trường lâu dài, trong khi đó, mục tiêu của tư nhân lại là ưu tiên cho lợi nhuận. Thiếu cơ chế chia sẻ thông tin và dữ liệu cũng là một thách thức lớn trong việc phối hợp giữa các bên liên quan, thể hiện ở chỗ chưa có một nền tảng chung để các bên chia sẻ thông tin về cơ hội đầu tư, về nhu cầu tài trợ và về hiệu quả môi trường. Mặt khác, sự thiếu minh bạch trong phân bổ và giám sát nguồn vốn cũng như việc hạn chế về năng lực và niềm tin giữa các bên với nhau cũng làm giảm lòng tin giữa các bên, gây nên mối quan hệ giữa các bên không có sự khăng khít trong mọi hành động.

Ba là, rủi ro tài chính và lợi nhuận thấp. Đây là một trong những thách thức, rào cản lớn trong quá trình đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường, thể hiện cụ thể là:

Rủi ro thị trường. Nhiều sản phẩm, dịch vụ môi trường chưa có thị trường ổn định, giá cả chưa hợp lý, thiếu tính cạnh tranh, dẫn đến sự lo ngại cho các nhà đầu tư; người dân và doanh nghiệp chưa có thói quen chi trả cho dịch vụ môi trường, dẫn đến

doanh thu của các doanh nghiệp thuộc loại hình này không ổn định.

Rủi ro công nghệ. Các dự án môi trường thường liên quan đến công nghệ mới, chưa được kiểm chứng rộng rãi, gây ra sự lo ngại về vận hành, bảo trì cũng như hiệu quả.

Rủi ro chính sách - pháp lý. Chính sách hỗ trợ tài chính thiếu ổn định, dễ thay đổi như giá mua điện FIT cho năng lượng tái tạo, khiến cho nhà đầu tư khó hoạch định dài hạn; thủ tục hành chính còn nhiều phức tạp, chậm phê duyệt làm kéo dài thời gian thực hiện dự án, tăng chi phí. Mặt khác, đặc điểm của các dự án môi trường thường có thời gian hoàn vốn dài, lợi nhuận thấp hoặc không rõ ràng so với các lĩnh vực đầu tư khác, vì thế khó thu hút các nhà đầu tư vào các dự án môi trường.

Bốn là, sự thiếu thông tin và năng lực kỹ thuật là một thách thức cốt lõi làm cho hiệu quả của quá trình đa dạng hóa tài chính cho bảo vệ môi trường, thể hiện trên một số điểm cụ thể như thiếu thông tin về nguồn tài chính sẵn có. Các chủ dự án môi trường, nhất là ở các địa phương, thiếu kỹ năng tiếp cận nguồn tài chính mới, không biết đến hoặc không hiểu rõ các nguồn tài trợ, tín dụng xanh, trái phiếu xanh, quỹ quốc tế về môi trường; chưa có khả năng viết hồ sơ vay vốn, phát hành trái phiếu xanh; không có đội ngũ nhân sự chuyên môn về các công cụ tài chính mới cũng như cách thức quản trị rủi ro môi trường, gây nhiều khó khăn trong đàm phán với các ngân hàng, các tổ chức tài chính tín dụng; thiếu thông tin về dữ liệu đầu vào tin cậy như số liệu về phát thải, chi phí môi trường, hiệu quả của việc tiết kiệm năng lượng, làm cho việc đánh giá rủi ro của các nhà đầu tư trở nên khó khăn.

4. Kết quả đạt được trong thực hiện đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường tại Việt Nam

Việc đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường ở Việt Nam trong những năm qua đã đạt được kết quả tích cực. Cụ thể là:

Thứ nhất, mặc dù ngân sách nhà nước còn hạn hẹp nhưng những năm qua, Chính phủ luôn quan tâm đến đầu tư cho bảo vệ môi trường. Điều này thể hiện rõ ở việc đầu tư cho bảo vệ môi trường từ ngân sách nhà nước hằng năm tăng lên đáng kể, thông thường đạt 1%-1,2% tổng chi ngân sách nhà nước;

Thứ hai, sự tham gia của khu vực tư nhân, cộng đồng xã hội và các tổ chức quốc tế cho công tác bảo vệ môi trường đã góp phần giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước, đồng thời tạo sự đồng thuận của xã hội trong công tác bảo vệ môi trường;

Thứ ba, phát triển công cụ tài chính xanh. Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích phát triển tín dụng xanh, trái phiếu xanh, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án bảo vệ môi trường tiếp cận nguồn vốn ưu đãi phục vụ cho bảo vệ môi trường;

Thứ tư, tăng cường hợp tác quốc tế và thu hút nguồn vốn ODA cho công tác bảo vệ môi trường; học hỏi được nhiều kinh nghiệm quý báu trong quản lý chặt chẽ và hiệu quả các nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường.

5. Hạn chế

Một là, hạn chế về khung pháp lý và chính sách. Khung pháp lý cho tài chính xanh còn có những bất cập nhất định. Việc xây dựng và áp dụng các tiêu chí cho tín dụng xanh, trái phiếu xanh hoặc thuế carbon chưa đồng bộ nên gây cho các tổ chức tài chính những khó khăn nhất định. Hệ thống quản lý Quỹ bảo vệ môi trường chưa chặt chẽ, chưa minh bạch, thiếu cơ chế giám sát hiệu quả, gây ra tình trạng thất thoát, lãng phí nguồn vốn. Chưa có cơ chế chính sách khuyến khích mạnh mẽ, chính sách ưu đãi thu hút đầu tư cho bảo vệ môi trường như chính sách miễn, giảm thuế, hỗ trợ lãi suất hoặc bảo lãnh tài chính.

Hai là, kiến thức và nhận thức của nhiều doanh nghiệp và người dân về vấn đề bảo vệ môi trường còn nhiều hạn chế, chưa hiểu rõ về cơ hội tài chính

xanh hoặc không biết cách tiếp cận các quỹ hỗ trợ từ ngân hàng, tổ chức tài chính quốc tế. Mặt khác, nguồn tài chính của doanh nghiệp hạn hẹp, bởi Việt Nam đa số doanh nghiệp là doanh nghiệp nhỏ và vừa nên việc đầu tư, đóng góp cho công tác bảo vệ môi trường còn ở mức rất khiêm tốn.

Ba là, thiếu mô hình hợp tác công - tư hiệu quả. Việc hợp tác giữa Chính phủ và tư nhân trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn hạn chế do thiếu cơ chế phân chia lợi nhuận hợp lý và sự minh bạch trong thực hiện dự án về bảo vệ môi trường.

Bốn là, khả năng tiếp cận vốn của các tổ chức và dự án bảo vệ môi trường từ các tổ chức tín dụng và quỹ tài chính xanh còn thấp, bởi nhiều lý do như thủ tục vay vốn đối với các doanh nghiệp còn nhiều phức tạp, điều kiện khắt khe, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Mặt khác, các sản phẩm tài chính hỗ trợ bảo vệ môi trường như quỹ đầu tư xanh, bảo hiểm rủi ro môi trường, các mô hình tín dụng cho doanh nghiệp xanh còn rất ít.

Năm là, thiếu khả năng xây dựng dự án: nhiều đơn vị chưa có kinh nghiệm và năng lực trong việc xây dựng dự án bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế, vì thế việc tiếp cận các quỹ tài trợ từ các tổ chức quốc tế còn rất khó khăn. Mặt khác, việc khai thác các nền tảng tài chính số, blockchain hay crowdfunding (gọi vốn cộng đồng) chưa đạt hiệu quả cao để huy động vốn cho các dự án bảo vệ môi trường.

6. Giải pháp đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường tại Việt Nam

Để có đầy đủ vốn và sự ổn định của các nguồn tài chính cho công tác bảo vệ môi trường tại Việt Nam những năm tới, cần thực hiện tốt các giải pháp đa dạng hóa nguồn tài chính dưới đây:

Một là, hoàn thiện khung pháp lý và các chính sách hỗ trợ. Chính phủ tiếp tục rà soát, hoàn thiện khung pháp lý, các chính sách miễn, giảm thuế (thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu các thiết bị, công nghệ xanh...) đối

với các doanh nghiệp đầu tư vào các dự án bảo vệ môi trường; tạo điều kiện về vốn vay ưu đãi với lãi suất thấp cho các doanh nghiệp đầu tư vào năng lượng tái tạo, xử lý chất thải, nước thải, tiết kiệm năng lượng; thực hiện chính sách trợ giá cho các sản phẩm thân thiện với môi trường; tăng cường thu phí môi trường từ các doanh nghiệp gây ô nhiễm để vừa tạo nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường vừa nâng cao trách nhiệm đối với doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường.

Hai là, phát triển chính sách tài chính xanh. Để thực hiện giải pháp này, cần thiết phải xây dựng Chiến lược quốc gia về tài chính xanh gắn với cam kết giảm phát thải và phát triển bền vững; lồng ghép các nguyên tắc tài chính xanh với hệ thống pháp luật và chính sách kinh tế; xây dựng các tiêu chuẩn cụ thể về tín dụng xanh, trái phiếu xanh nhằm hướng dẫn hệ thống ngân hàng và tổ chức tín dụng; thành lập các quỹ đầu tư xanh do Nhà nước hoặc tư nhân quản lý để hỗ trợ cho các dự án bảo vệ môi trường; khuyến khích các quỹ đầu tư mạo hiểm tham gia vào các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực môi trường; mở rộng tín dụng xanh và bảo hiểm rủi ro môi trường; phát triển sản phẩm bảo hiểm rủi ro môi trường, giúp doanh nghiệp có cơ chế bảo vệ tài chính khi sự cố môi trường xảy ra; ban hành và triển khai thực hiện các quy định về trách nhiệm tài chính của doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường như quy trình về ký quỹ cải tạo môi trường, các quy định về đóng góp quỹ môi trường.

Ba là, tăng cường sự tham gia của khu vực kinh tế tư nhân trong bảo vệ môi trường; khuyến khích đầu tư theo mô hình đối tác công - tư; xây dựng chính sách hỗ trợ nhà đầu tư tư nhân tham gia vào các dự án xử lý nước thải, chất thải rắn, năng lượng tái tạo; đảm bảo tính minh bạch về chia sẻ rủi ro giữa Nhà nước và doanh nghiệp nhằm thu hút đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường; có chính sách thưởng thỏa đáng, minh bạch đối với các doanh nghiệp tư nhân có thành tích xuất sắc trong bảo vệ môi trường, đồng thời thực hiện chế tài phạt

nghiêm minh đối với những doanh nghiệp vi phạm, gây ra ô nhiễm môi trường.

Bốn là, phát triển các quỹ bảo vệ môi trường. Theo đó, cần bố trí hợp lý nguồn từ ngân sách nhà nước cho quỹ này; phân bổ nguồn thu từ thuế, phí môi trường và các khoản tiền phạt thu được vào quỹ bảo vệ môi trường; có chính sách khuyến khích thỏa đáng đối với doanh nghiệp đóng góp và quỹ bảo vệ môi trường thông qua cơ chế tín dụng carbon và giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp có đóng góp vào quỹ này.

Năm là, ứng dụng công nghệ mới trong tài chính bảo vệ môi trường. Để thực hiện giải pháp này, cần tăng cường phát triển các nền tảng gọi vốn cộng đồng để huy động vốn cho các dự án bảo vệ môi trường; sử dụng blockchain để đảm bảo tính minh bạch trong quản lý tài chính xanh.

Sáu là, tận dụng nguồn tài trợ từ các tổ chức quốc tế. Để thực hiện giải pháp này, cần tăng cường thúc đẩy hợp tác với các quỹ môi trường toàn cầu. Cụ thể là, tăng cường tham gia vào các quỹ như quỹ môi trường toàn cầu (GEF), quỹ khí hậu xanh (GCF), quỹ phát triển bền vững của ngân hàng thế

giới (WB); tận dụng và quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả vốn ODA và vốn vay ưu đãi cho các dự án bảo vệ môi trường;

Bảy là, nâng cao năng lực quản lý và giám sát tài chính môi trường. Để thực hiện giải pháp này, cần xây dựng hệ thống giám sát và báo cáo tài chính môi trường nhằm kiểm soát hiệu quả việc sử dụng nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường; công khai thông tin về các khoản đầu tư cho bảo vệ môi trường nhằm tăng cường trách nhiệm giải trình. Mặt khác, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về tài chính, kế toán môi trường nhằm hỗ trợ đắc lực cho các doanh nghiệp trong việc hạch toán, kiểm soát và giám sát tài chính môi trường.

Kết luận

Đa dạng hóa nguồn tài chính cho bảo vệ môi trường không chỉ giúp tăng cường khả năng tài trợ cho các sáng kiến và dự án môi trường mà còn tạo ra một hệ sinh thái tài chính bền vững. Điều này đòi hỏi phải có sự kết hợp giữa các nguồn tài chính của Chính phủ, doanh nghiệp, cộng đồng và các tổ chức quốc tế để xây dựng một nền tảng tài chính vững chắc cho công tác bảo vệ môi trường. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2021-2024), Báo cáo chi ngân sách nhà nước hằng năm;
2. Boutilier. R.A (2017), *The effect of developed economic zones on economic growth*, *Asian Economic and Financial Review*, 35 (3), 231-243;
3. Mai Chi (2022), Đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho bảo vệ môi trường, truy cập từ <https://monre.gov.vn/Pages/da-dang-hoa-nguon-luc-tai-chi-cho-bao-ve-moi-truong.aspx>;
4. Ngô Thế Chi (2021), Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường ở Việt Nam, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở Học viện Tài chính năm 2022;
5. Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022;
6. Nguyễn Đồng Minh (2013), Tăng cường và đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho bảo vệ môi trường, truy cập từ Tapchicongsan.org.vn/en/hoat-dong-cua-lanh-dao-dang-nha-nuoc/-/2018/23192/tang-cuong-va-da-dang-hoa-nguon-tai-chinh-cho-bao-ve-moi-truong.aspx.

Ngày nhận bài: 26/9/2025
Ngày duyệt đăng: 30/9/2025